

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quang Chung** và bà **Phạm Thị Liễu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật** – Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Đặng Ngọc P**, sinh năm 1982

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 38, ấp PC, xã PB, huyện TP, tỉnh ĐN.

Chỗ ở: Số 2639, Tổ 1, ấp PD, xã PB, huyện TP, tỉnh ĐN.

2/ Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu Ph**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 38, ấp PC, xã PB, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Các đương sự có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/08/2020 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn chị Đặng Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu Ph tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2019. Cuộc sống của vợ chồng thường xuyên cự cãi, xô xát nhau. Nguyên nhân do anh Ph hay sử dụng rượu bia, có lời nói xúc phạm, đuổi chị ra khỏi nhà, không tôn trọng gia đình bên chị. Do không thể chịu đựng được nên từ tháng 08/2020 chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay tình cảm của chị dành cho anh Ph đã hết, chị không thể quay về sống với nhau được nữa nên yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 02/11/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Ph tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2021 như sau:

Anh và chị P tự nguyện kết hôn vào tháng 12/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng với mẹ ruột của anh Ph. Cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, nhưng do công việc là thợ xây nên anh có uống rượu. Ngày 18/3/2020, sau khi uống rượu về, anh thấy chị P không dọn cơm cho mẹ nên anh có chửi, xúc phạm chị P. Ngày 20/3/2020, anh chở chị P về nhà mẹ ruột của chị để dưỡng thai. Từ đó cho đến nay chị P không về nhà nữa và luôn cố tình tránh mặt anh, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Do anh vẫn còn tình cảm với chị P nên anh không đồng ý ly hôn, mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 02/11/2020, con chung do chị P nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý giao con cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, vì con dưới 36 tháng tuổi. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Ph; giao con chung Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 02/11/2020 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có; về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Áp dụng pháp luật nội dung:*

Trên cơ sở lời khai của đương sự; tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Ph tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Nguyên nhân do anh Ph thường hay sử dụng rượu bia, có những lời nói xúc phạm và đuổi chị ra khỏi nhà. Từ tháng 08/2020 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau.

Anh Ph khai rằng mình vẫn còn tình cảm với chị P nên không đồng ý ly hôn, muốn tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ sống chung. Anh xin được vắng mặt không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

Qua xác minh tại địa phương xác định trong thời gian sống chung, vợ chồng anh Ph chị P xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Từ tháng 08/2020 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 02/11/2020, hiện con chung do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng thỏa thuận giao con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung là không trái pháp luật, đảm bảo được điều kiện sống của con chung, nên cần thiết giao con chung cho chị P nuôi dưỡng. Do chị P không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nên không xem xét.

Tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Ngọc P.

1.1. Về hôn nhân: Chị Đặng Ngọc P được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Ph.

1.2. Con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Hữu Ph, sinh ngày 02/11/2020 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị P không yêu cầu. Anh Ph có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đặng Ngọc P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003677 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Bình (Đăng ký kết hôn số 77, ngày 10/10/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh